

## BÁO CÁO

### Về việc tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2017

Thực hiện văn bản số 142/BKHĐT-QLĐT ngày 08/01/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2017, căn cứ báo cáo của các đơn vị sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam tổng hợp báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh về tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Nam với những nội dung chính như sau:

#### I. Kết quả thực hiện

##### 1. Tổng hợp chung về kết quả thực hiện hoạt động đấu thầu năm 2017:

##### 1.1. Tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà thầu:

- Số lượng gói thầu: 1.153 gói thầu.
- Tổng giá gói thầu: 2.323.754 triệu đồng.
- Tổng giá trúng thầu: 2.197.692 triệu đồng.
- Tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu: Giảm 5,42 % giá gói thầu.
- Tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo lĩnh vực đấu thầu:

Đvt: Triệu đồng

Lĩnh vực đấu thầu	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tỷ lệ giảm giá (%)
Tư vấn	667	85.716	85.001	715	0,83
Mua sắm hàng hóa	80	789.665	669.636	120.029	15,20
Xây lắp	406	1.448.373	1.443.055	5.318	0,37
<b>Tổng số</b>	<b>1.153</b>	<b>2.323.754</b>	<b>2.197.692</b>	<b>126.062</b>	<b>5,42</b>

- Tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo hình thức lựa chọn nhà thầu:

Đvt: Triệu đồng

Hình thức lựa chọn nhà thầu	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tỷ lệ giảm giá (%)
Rộng rãi	214	1.908.113	1.784.209	123.904	6,49
Hạn chế	5	61.273	59.735	1.538	2,51
Chỉ định thầu	831	164.427	164.193	234	0,14

Đvt: Triệu đồng

Hình thức lựa chọn nhà thầu	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tỷ lệ giảm giá (%)
Chào hàng cạnh tranh	79	188.328	187.942	386	0,20
Mua sắm trực tiếp	24	1.613	1.613	0	0,00
<b>Tổng số</b>	<b>1.153</b>	<b>2.323.754</b>	<b>2.197.692</b>	<b>126.062</b>	<b>5,42</b>

- Tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo phân loại dự án:

Đvt: Triệu đồng

Dự án	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tỷ lệ giảm giá (%)
Nhóm B	22	55.743	55.166	577	1,04
Nhóm C	936	1.413.126	1.407.832	5.294	0,37
<b>Tổng số</b>	<b>958</b>	<b>1.468.869</b>	<b>1.462.998</b>	<b>5.871</b>	<b>0,40</b>

- Tổng số gói thầu, tổng giá gói thầu, tổng giá trúng thầu và tỷ lệ tiết kiệm theo cách thức lựa:

Đvt: Triệu đồng

Cách thức lựa chọn nhà thầu	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tỷ lệ giảm giá (%)
Qua mạng	2	2.643	2.639	4	0,15
Không qua mạng	1.151	2.321.111	2.195.053	126.058	5,43
<b>Tổng số</b>	<b>1.153</b>	<b>2.323.754</b>	<b>2.197.692</b>	<b>126.062</b>	<b>5,42</b>

### 1.2. Tổng hợp kết quả thực hiện lựa chọn nhà đầu tư:

- Số lượng dự án lựa chọn thực hiện theo hình thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ về đầu tư PPP: 08 dự án.

- Số lượng dự án đầu tư sử dụng các khu đất, quỹ đất có giá trị thương mại cao, cần lựa chọn nhà đầu tư, thuộc danh mục dự án được phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP: 07 dự án.

(Chi tiết theo biểu 2.4A, 2.4B, 2.5A, 2.5B)

### 2. Công tác phổ biến, quán triệt việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu:

- Số lượng hội nghị/hội thảo phổ biến quán triệt thực hiện pháp luật về đấu thầu, số lượng đại biểu tham gia, thời lượng tổ chức: Không.

- Số lượng các khóa đào tạo về đấu thầu, đơn vị tổ chức: Tháng 9/2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư đã mở 01 khóa đào tạo và cấp chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu cơ bản cho 120 học viên. Bên cạnh đó các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo cho các cán bộ trực tiếp tham gia hoạt động đấu thầu trong phạm vi của đơn vị mình.

### **3. Tình hình thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu và lựa chọn nhà thầu qua mạng:**

- Kết quả thực hiện việc đăng tải thông tin trong đấu thầu: Thông tin về đấu thầu được đăng tải thông qua Báo đấu thầu và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Việc đăng tải thông tin qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mang lại nhiều thuận lợi cho Bên mời thầu cũng như nhà thầu. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc như sau: Một số gói thầu liên quan đến tính chất quân sự đang được nghiên cứu áp dụng cho phù hợp; Một số chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu còn lúng túng khi làm quen với hệ thống mới từ khâu đăng ký đến đăng tải thông tin.

- Kết quả thực hiện việc lựa chọn nhà thầu qua mạng:

- + Số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng: 02 gói thầu.
- + Tổng giá gói thầu: 2.643 triệu đồng.
- + Tổng giá trúng thầu: 2.639 triệu đồng.
- + Tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu: Giảm 0,15 % giá gói thầu.
- + Lĩnh vực đấu thầu: Mua sắm hàng hóa.
- + Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, chào hàng cạnh tranh trong nước.
- + Số lượng gói thầu lựa chọn nhà thầu qua mạng mà nhà thầu được ưu đãi trúng thầu: Không.
- + Số lượng kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng đã được đăng tải: 2/2
- + Số lượng gói thầu đấu thầu qua mạng bị hủy thầu và lý do hủy thầu: 0.

### **4. Tình hình phân cấp trong đấu thầu:**

- Trước thời điểm Luật đấu thầu 2013 và Nghị định 63/2014/NĐ-CP có hiệu lực, tỉnh Hà Nam thực hiện phân cấp đấu thầu theo Quyết định 661/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của UBND tỉnh về việc Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam”; Quyết định 1021/QĐ-UBND ngày 27/9/2010 của UBND tỉnh về việc sửa đổi Quyết định 661/QĐ-UBND.

- Hiện nay, tỉnh Hà Nam thực hiện phân cấp đấu thầu theo Quyết định 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/7/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý đầu tư và xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Nam và các quy định hiện hành.

### **5. Công tác thanh tra, kiểm tra về đấu thầu:**

- Năm 2017 Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành 2 cuộc thanh tra, 22 cuộc kiểm tra công tác quản lý đầu tư, đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư. Qua công

tác thanh, kiểm tra kịp thời phát hiện những sai sót nhỏ và đã yêu cầu các cơ quan, đơn vị hoàn thiện, kịp thời rút kinh nghiệm.

- Các sở, ban, ngành cũng thường xuyên tổ chức các cuộc thanh kiểm tra có nội dung về đấu thầu.

- Khi tổ chức hội nghị mở thầu các chủ đầu tư đều mời các cơ quan quản lý nhà nước tham gia giám sát.

**6. Công tác đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu:** Cán bộ tham gia hoạt động đấu thầu cơ bản đều có chứng chỉ tham gia khóa đào tạo đấu thầu do các đơn vị đủ điều kiện theo quy định cấp.

**7. Giải quyết kiến nghị và xử lý vi phạm về đấu thầu:** Không có kiến nghị và vi phạm trong công tác đấu thầu.

**8. Thông tin về nhà thầu nước ngoài trúng thầu tại các dự án/gói thầu:** Không có.

### **9. Tên và chức danh của Lãnh đạo phụ trách trực tiếp công tác đấu thầu:**

Phó chủ tịch UBND tỉnh: Trương Minh Hiến

## **II. Đánh giá việc thực hiện công tác đấu thầu năm 2017**

### **1. Lựa chọn nhà thầu:**

- Công tác lựa chọn nhà thầu năm 2017 đã đảm bảo mục tiêu của Luật Đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế; qua đấu thầu đã lựa chọn được nhà thầu có năng lực đáp ứng được yêu cầu của gói thầu.

- Trong quá trình lựa chọn nhà thầu, chủ đầu tư và nhà thầu đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật Đấu thầu, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, Nghị định 63/2014/NĐ-CP và các quy định hiện hành về đấu thầu.

- Chức năng quản lý Nhà nước về đấu thầu được thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả cao, đội ngũ cán bộ tham gia đấu thầu đều có chứng chỉ nghiệp vụ đấu thầu và cơ bản đáp ứng được yêu cầu công việc. Kết quả thanh tra, kiểm tra không có sai sót lớn xảy ra trong đấu thầu.

- Trong năm 2017, trên địa bàn tỉnh Hà Nam không có nhà thầu nào vi phạm pháp luật về đấu thầu.

### **2. Lựa chọn nhà đầu tư:**

- Công tác lựa chọn nhà đầu tư năm 2017 đã đảm bảo mục tiêu của Luật Đấu thầu là cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế; đã lựa chọn được những nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án.

- Trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư, các cơ quan, đơn vị và nhà đầu tư đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Luật Đấu thầu, Nghị định 15/2015/NĐ-CP, Nghị định 30/2015/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

Trên đây là báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện công tác đấu thầu năm 2017 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam trân trọng báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh./.

*Nơi nhận:*

- Bộ KH&ĐT;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu VT, TĐ;

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Văn Oang**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
**DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC NĂM 2017 THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1\*, KHOẢN 2 VÀ KHOẢN 4 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Tổng (1 + 2 + 3 + 4)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
<b>I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>																				
1. Phi tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM							11	19488	18985	503	547	48136	47968	168	558	67624	66953	671	
3. Mua sắm hàng hóa	KQM											24	69807	69740	67	24	69807	69740	67	
	QM																			
4. Xây lắp	KQM							2	19287	19267	20	362	1292266	1287216	5050	364	1311553	1306483	5070	
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
<b>Tổng cộng I</b>								<b>13</b>	<b>38.775</b>	<b>38.252</b>	<b>523</b>	<b>933</b>	<b>1.410.209</b>	<b>1.404.924</b>	<b>5.285</b>	<b>946</b>	<b>1.448.984</b>	<b>1.443.176</b>	<b>5.808</b>	
<b>II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b>																				
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM						5	33091	32591	500	170	1038638	1035397	3241	175	1071729	1067988	3741	
	Quốc tế	QM																		
2. Hạn chế	Trong nước	KQM										5	61273	59735	1538	5	61273	59735	1538	
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu	Trong nước	KQM						8	5684	5661	23	698	141573	141413	160	706	147257	147074	183	
	Quốc tế	QM																		
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM										60	168725	168379	346	60	168725	168379	346	
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM																		
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																		
<b>Tổng cộng II</b>								<b>13</b>	<b>38.775</b>	<b>38.252</b>	<b>523</b>	<b>933</b>	<b>1.410.209</b>	<b>1.404.924</b>	<b>5.285</b>	<b>946</b>	<b>1.448.984</b>	<b>1.443.176</b>	<b>5.808</b>	

Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm các gói thầu sử dụng vốn đối ứng trong dự án ODA

\* Riêng đối với các gói thầu sử dụng nguồn mua sắm thường xuyên quy định tại điểm d và

các điểm đ, e, g khoản 1 Điều 1 Luật Đầu thầu năm 2013 thì không báo cáo tại Biểu này mà báo cáo tại Biểu 2.

KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)

QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng

Hà Nam, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người báo cáo

Lê Đức Phúc

SDT: 0912228182

lephuc208@yahoo.com

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU  
CÁC GÓI THẦU MUA SẮM SỬ DỤNG NGUỒN VỐN MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN NĂM 2017 THEO  
QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D, Đ, E VÀ G KHOẢN 1 ĐIỀU 1 LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC			Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
<b>I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>						
1. Phi tư vấn		KQM				
		QM				
2. Tư vấn		KQM	100	6.621	6.621	0
3. Mua sắm hàng hóa		KQM	53	714.333	594.384	119.949
		QM	1	1.144	1.144	0
4. Xây lắp		KQM	41	132.787	132.545	242
		QM				
<b>Tổng cộng I</b>			<b>195</b>	<b>854.885</b>	<b>734.694</b>	<b>120.191</b>
<b>II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b>						
1. Rộng rãi	Trong nước	KQM	35	822.361	702.227	120.134
		QM				
	Quốc tế	KQM				
2. Hạn chế	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
3. Chi định thầu	Trong nước	KQM	119	16.135	16.085	50
		QM				
	Quốc tế	KQM				
4. Chào hàng cạnh tranh	Trong nước	KQM	16	13.632	13.625	7
		QM				
	Quốc tế	KQM				
5. Mua sắm trực tiếp	Trong nước	KQM	24	1.613	1.613	0
		QM				
	Quốc tế	KQM				
6. Tự thực hiện	Trong nước	KQM				
7. Đặc biệt	Trong nước	KQM				
		QM				
	Quốc tế	KQM				
8. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM				
<b>Tổng cộng II</b>			<b>195</b>	<b>854.885</b>	<b>734.694</b>	<b>120.191</b>

*Ghi chú: Số liệu tổng hợp tại Biểu này bao gồm gói thầu dùng vốn đối ứng trong dự án ODA đã được cân đối trong nguồn chi thường xuyên  
KQM: Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)  
QM: Lựa chọn nhà thầu qua mạng*

Hà Nam, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người báo cáo

Lê Đức Phúc

SDT: 0912228182

lephuc208@yahoo.com

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU**  
**DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA NHÀ TÀI TRỢ NĂM 2017 THUỘC PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU SỐ 43/2013/QH13**

Đơn vị: Triệu đồng

LĨNH VỰC VÀ HÌNH THỨC	Dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội chủ trương đầu tư				Dự án nhóm A (2)				Dự án nhóm B (3)				Dự án nhóm C (4)				Tổng (1 + 2 + 3 + 4)			
	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số gói thầu	Tổng giá gói thầu	Tổng giá trúng thầu	Chênh lệch
<b>I. THEO LĨNH VỰC ĐẦU THẦU</b>																				
1. Phi tư vấn	KQM																			
	QM																			
2. Tư vấn	KQM							7	11436	11392	44	2	35	35	0	9	11471	11427	44	
3. Mua sắm hàng hóa	KQM											1	2882	2873	9	1	2882	2873	9	
	QM							1	1499	1495	4					1	1499	1495	4	
4. Xây lắp	KQM							1	4033	4027	6					1	4033	4027	6	
	QM																			
5. Hỗn hợp	KQM																			
<b>Tổng cộng I</b>								<b>9</b>	<b>16.968</b>	<b>16.914</b>	<b>54</b>	<b>3</b>	<b>2.917</b>	<b>2.908</b>	<b>9</b>	<b>12</b>	<b>19.885</b>	<b>19.822</b>	<b>63</b>	
<b>II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b>																				
1. Rộng rãi (ICS, QCBS, QBS, FBS, LCS, CQS, ICB, NCB...)	Trong nước	KQM						2	9642	9626	16	1	2882	2873	9	3	12524	12499	25	
	Quốc tế	QM						1	1499	1495	4					1	1499	1495	4	
2. Hạn chế (LIB...)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
3. Chỉ định thầu (SSS, Direct contracting...)	Trong nước	KQM						4	1000	999	1	2	35	35	0	6	1035	1034	1	
	Quốc tế	QM																		
4. Chào hàng cạnh tranh (shopping)	Trong nước	KQM						2	4.827	4794	33					2	4827	4794	33	
	Quốc tế	QM																		
5. Mua sắm trực tiếp (repeat order)	Trong nước	KQM																		
	Quốc tế	QM																		
6. Tự thực hiện ( force account)	Trong nước	KQM																		
7. Tham gia thực hiện của cộng đồng	Trong nước	KQM																		
<b>Tổng cộng II</b>								<b>9</b>	<b>16.968</b>	<b>16.914</b>	<b>54</b>	<b>3</b>	<b>2.917</b>	<b>2.908</b>	<b>9</b>	<b>12</b>	<b>19.885</b>	<b>19.822</b>	<b>63</b>	

\* Ghi chú: *Phần đối ứng ngân sách nhà nước của các dự án này, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 1*  
*Nguồn vốn ODA và vay ưu đãi đã được cân đối trong chi thường xuyên, đề nghị tổng hợp số liệu vào Biểu 2*  
**KQM:** Lựa chọn nhà thầu thông thường (không thực hiện qua mạng)  
**QM:** Lựa chọn nhà thầu qua mạng

Hà Nam, ngày 12 tháng 02 năm 2018

Người báo cáo

Lê Đức Phúc

SDT: 0912228182

lephuc208@yahoo.com



**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN THỰC HIỆN THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ  
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2015/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI DỰ ÁN VÀ HÌNH THỨC	Áp dụng phương pháp giá dịch vụ				Áp dụng phương pháp vốn góp nhà nước				Áp dụng phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước				Áp dụng phương pháp lợi ích kết hợp (*)			Tổng số dự án	
	Tổng số dự án	Tổng giá dịch vụ tối đa theo yêu cầu của HSMT, HSYC	Tổng giá dịch vụ được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số dự án	Tổng phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án tối đa theo yêu cầu của HSMT, HSYC	Tổng phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số dự án	Tổng yêu cầu đề xuất nộp ngân sách nhà nước tối thiểu theo yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch	Tổng số dự án	Tổng yêu cầu đề xuất theo yêu cầu của HSMT, HSYC	Tổng đề xuất được đề nghị trúng thầu		Chênh lệch
<b>I. THEO PHÂN LOẠI DỰ ÁN</b>																	
1. Công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới									5	22806	22806	0					5
2. Nhà ở thương mại																	
3. Công trình thương mại và dịch vụ																	
4. Tổ hợp đa năng																	
<b>Tổng cộng I</b>									<b>5</b>	<b>22.806</b>	<b>22.806</b>	<b>0</b>					<b>5</b>
<b>II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b>																	
1. Rông rãi	Trong nước								4	19.956	19.956	0					4
	Quốc tế								1	2.850	2.850	0					1
2. Chỉ định thầu	Trong nước																
	Quốc tế																
3. Đặc biệt	Trong nước																
	Quốc tế																
<b>Tổng cộng II</b>									<b>5</b>	<b>22.806</b>	<b>22.806</b>	<b>0</b>					<b>5</b>

Ghi chú: Trường hợp dự án áp dụng phương pháp nào, đề nghị đơn vị tổng hợp liệt kê theo giá trị yêu cầu và giá trị đề xuất tương ứng

**THÔNG TIN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ THEO HÌNH THỨC ĐỐI TÁC CÔNG TƯ ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 15/2015/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thông tin dự án <sup>(1)</sup>	Loại hợp đồng	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư <sup>(2)</sup>	Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại <sup>(3)</sup>	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư mua/nhận HSMT/HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư <sup>(4)</sup>	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư <sup>(5)</sup>	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng Điểm du lịch làng nghề thêu ren và khu dân cư xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm	Tổng mức đầu tư: 89.052,9 triệu đồng; Diện tích sử dụng đất khoảng 99.810 m <sup>2</sup> ; San nền các lô đất công nghiệp, nhà ở liền kề CN2, CN4, CN6, LK11, LK12, CX2, CX3, NHV và đầu tư đồng bộ hệ thống giao thông, cấp thoát nước, điện đồng bộ	BT	Rộng rãi quốc tế (Căn cứ theo Khoản 1, Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1			Công ty TNHH Hợp Tiến	100 ngày		Đang trong quá trình hoàn thiện hợp đồng
2	Dự án đầu tư xây dựng 05 tuyến đường giao thông đối ngoại và hạ tầng khu vườn hoa kết hợp bãi đỗ xe phân khu phía Bắc theo Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở cao cấp Hải Sơn, thành phố Phủ Lý theo hình thức BT	Tổng mức đầu tư: 148.151,4 triệu đồng; Diện tích sử dụng đất: 69.388,7 m <sup>2</sup> ; Xây dựng 05 tuyến đường N1, N3, N6, D1, D4 và hạ tầng khu vườn hoa kết hợp bãi đỗ xe thuộc quy hoạch Khu nhà ở cao cấp Hải Sơn	BT	Sơ tuyển Rộng rãi quốc tế (Căn cứ theo Khoản 1 Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1						Đang trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư
3	Dự án đầu tư xây dựng đường nối từ nút đường D13 đến đường N2 thuộc Khu đô thị Liêm Chính (đường N5 thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Nam Châu Giang) và hạ tầng kỹ thuật hai bên đường tại xã Liêm Chung và phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý	Tổng mức đầu tư 146.962 triệu đồng; Tổng diện tích sử dụng đất 69.388,7m <sup>2</sup> , gồm: đầu tư xây dựng 05 tuyến đường giao thông đối ngoại với tổng diện tích 60.038,1m <sup>2</sup> ; hạ tầng khu vườn hoa kết hợp bãi đỗ xe phân khu phía Bắc dự án 9.350,6m <sup>2</sup>	BT	Sơ tuyển Rộng rãi quốc tế (Căn cứ theo Khoản 1 Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1						
4	ĐTXD tuyến đường 68m địa bàn xã Liêm Chung, thành phố Phủ Lý	Tổng mức đầu tư: 198.019 triệu đồng; Diện tích sử dụng đất khoảng 123.738 m <sup>2</sup> ; đầu tư tuyến đường 68m có mặt cắt ngang: 2x9,5m (lề ta luy) + 2x2,5m (hè) + 2x7,5m (lòng đường) + 29m (gpc) với chiều dài khoảng 1.862,36m	BT	Sơ tuyển Rộng rãi quốc tế (Căn cứ theo Khoản 1 Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước									Đang thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển

STT	Tên dự án	Thông tin dự án <sup>(1)</sup>	Loại hợp đồng	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư <sup>(2)</sup>	Phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại <sup>(3)</sup>	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư mua/ nhận HSMST/ HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/ HSDX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư <sup>(4)</sup>	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư <sup>(5)</sup>	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Ghi chú
5	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xung quanh Bệnh viện Việt Đức - Cơ sở 2	Tổng mức đầu tư 30.760,2 triệu đồng; Diện tích sử dụng đất khoảng 16.531,05 m <sup>2</sup> ; Xây dựng 02 tuyến đường (phía Đông và phía Tây Bệnh viện Việt Đức cơ sở 2) dài 789,57m và hệ thống cấp thoát nước, điện đồng bộ	BT	Rộng rãi trong nước (Căn cứ theo Điểm c, Khoản 2, Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước				3	3	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm	72 ngày	Số 169/HĐ-XD-CG ngày 07/02/2018	
6	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kết nối từ đường ĐT491 với đường Phú Lý - Mỹ Lộc (QL21B) theo hình thức BT	Tổng mức đầu tư: 93.873,6 triệu đồng; Tổng diện tích khoảng 50.046,0 m <sup>2</sup> . Trong đó: Diện tích đất thương mại dịch vụ 6.270,8 m <sup>2</sup> ; Diện tích đất ở 13.734,4m <sup>2</sup> ; Diện tích đất cây xanh, công cộng 600,3m <sup>2</sup> ; Diện tích đất giao thông 29.440,5m <sup>2</sup>	BT	Rộng rãi trong nước (Căn cứ theo Khoản 2, Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1	1	1	Công ty TNHH Xây dựng Thăng Long	122 ngày	Số 190/HĐ-XD-CG ngày 12/02/2018	
7	Đầu tư xây dựng 2 tuyến đường kết nối Khu đô thị Liêm Chính với QL21A, kênh chính Tây và hạ tầng kỹ thuật hai bên đường tại xã Liêm Chung, thành phố Phú Lý	Tổng mức đầu tư 125.775 triệu đồng; Tổng diện tích sử dụng đất 69.388,7m <sup>2</sup> , gồm: đầu tư xây dựng 05 tuyến đường giao thông đối ngoại với tổng diện tích 60.038,1m <sup>2</sup> ; hạ tầng khu vườn hoa kết hợp bãi đỗ xe phân khu phía Bắc dự án 9.350,6m <sup>2</sup>	BT	Rộng rãi trong nước (Căn cứ theo Khoản 2 Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1	1	1	Công ty TNHH Xây dựng Tùng Phát		Số 26/HĐ-XD-CG ngày 27/02/2017	
8	Đầu tư chỉnh trang hạ tầng xung quanh hồ Vực Kiếu, thành phố Phú Lý	Tổng mức đầu tư 81.374,57 triệu đồng; Diện tích sử dụng đất khoảng 30.682,5 m <sup>2</sup> với hệ thống hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, điện đồng bộ	BT	Rộng rãi trong nước (Căn cứ theo Khoản 2, Điều 9, Nghị định 30)	Phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước	1	1	1	1	1	Công ty TNHH Thăng Lợi Thanh Liêm		Số 16/HĐ-XD-CG ngày 09/01/2017	

(1): Ghi các thông tin sau của dự án theo Báo cáo nghiên cứu khả thi (Đề xuất dự án đối với dự án đối với dự án nhóm C) được duyệt: Tổng vốn đầu, công suất, diện tích đất để thực hiện dự án, giá trị vốn

(2): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đầu thầu rộng rãi trong nước, đầu thầu rộng rãi quốc tế, chỉ định nhà đầu tư (ghi rõ căn cứ chỉ định theo điểm a, điểm b hay điểm c khoản 3 điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP), lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (ghi rõ lý do áp dụng và văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)

(3): Ghi rõ nội dung phương pháp đánh giá về tài chính - thương mại: Phương pháp giá dịch vụ (yêu cầu về giá dịch vụ), phương pháp vốn góp của nhà nước (yêu cầu về phần vốn góp nhà nước tham gia thực hiện dự án), phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước (yêu cầu về đề xuất nộp ngân sách nhà nước), phương pháp kết hợp (mô tả rõ nội dung của phương pháp)

(4): Ghi các thông tin sau theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): Tên nhà đầu tư được lựa chọn; giá dịch vụ, phần vốn góp của nhà nước hoặc giá trị phần nộp ngân sách nhà nước

(5): Thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT  
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

PHÂN LOẠI DỰ ÁN VÀ HÌNH THỨC		Tổng số dự án	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước yêu cầu trong HSMT, HSYC	Tổng đề xuất nộp ngân sách nhà nước được đề nghị trúng thầu	Chênh lệch
<b>I. THEO PHÂN LOẠI DỰ ÁN</b>					
1. Công trình thuộc đô thị, khu đô thị mới		7	700	760	60
2. Nhà ở thương mại					
3. Công trình thương mại và dịch vụ					
4. Tổ hợp đa năng					0
<b>Tổng cộng I</b>		<b>7</b>	<b>700</b>	<b>760</b>	<b>60</b>
<b>II. THEO HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b>					
1. Rộng rãi	Trong nước	6	600	660	60
	Quốc tế	1	100	100	0
2. Chỉ định thầu	Trong nước				
	Quốc tế				
3. Đặc biệt	Trong nước				
	Quốc tế				
<b>Tổng cộng II</b>		<b>7</b>	<b>700</b>	<b>760</b>	<b>60</b>

**THÔNG TIN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ  
THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU THẦU, NGHỊ ĐỊNH SỐ 30/2015/NĐ-CP**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Thông tin dự án <sup>(1)</sup>	Hình thức lựa chọn nhà đầu tư <sup>(2)</sup>	Số lượng nhà đầu tư mua HSMST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư nộp HSDST (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư trúng sơ tuyển (nếu áp dụng sơ tuyển)	Số lượng nhà đầu tư mua/ nhận HSMT/ HSYC	Số lượng nhà thầu nộp HSDT/ HSĐX	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư <sup>(3)</sup>	Thời gian lựa chọn nhà đầu tư <sup>(4)</sup>	Thời điểm ký kết hợp đồng dự án	Ghi chú
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở Trung Đông tại xã Nhật Tân, huyện Kim Bảng (giai đoạn 1)	Tổng mức đầu tư 173.893 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 99.794,2 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước	1	1	1	1	1	Công ty CP ĐTXD Trung Đông	160 ngày	Hợp đồng số 18/2017/HĐ-LCNDT ngày 06/12/2017	
2	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở HDT Hà Nam tại thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên	Tổng mức đầu tư 102.343,344 (kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB 87.564,81 triệu đồng; GPMB là 14.781,483 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 94.465,6 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước				1	1	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Xây dựng HDT	90 ngày	Hợp đồng số 21/2017/HĐ-LCNDT ngày 12/12/2017	
3	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm	Tổng mức đầu tư 45.210,374 triệu đồng (trong đó kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB là 39.711,251 triệu đồng; GPMB 5.591,7 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 50.707,7 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước				1	1	Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà ở Hà Nam	95 ngày	Hợp đồng số 19/2017/HĐ-LCNDT ngày 08/12/2017	
4	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại thị trấn Kiên Khê, huyện Thanh Liêm	Tổng mức đầu tư 42.557,341 triệu đồng (trong đó kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB là 36.770,531 triệu đồng; GPMB 6.004,893 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 42.307,1 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước				1	1	Công ty TNHH Thu Ngân	90 ngày	Hợp đồng số 20/2017/HĐ-LCNDT ngày 08/12/2017	
5	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở đô thị Đại Cường, huyện Kim Bảng (giai đoạn 1)	Tổng mức đầu tư 111.903,893 triệu đồng (kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB 97.523,74 triệu đồng; GPMB: 14.854,65 triệu đồng); diện tích sử dụng đất 90.996 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước				1	1	Công ty CP Xây dựng và Phát triển hạ tầng kỹ thuật Hà Nam	85 ngày	Hợp đồng số 01/2018/HĐ-LCNDT ngày 04/01/2018	
6	Đầu tư xây dựng Khu trung tâm thương mại kết hợp nhà ở thương mại (Shophouse) tại phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý	Tổng mức đầu tư 107.650 triệu đồng (trong đó kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB 107.650 triệu đồng; GPMB 0 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 4.946 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi trong nước				1	1	Công ty TNHH Hai Pha Việt Nam	120 ngày		Đang hoàn thiện HĐ
7	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại dịch vụ và nhà ở Phố Cà, huyện Thanh Liêm	Tổng mức đầu tư 131.304,959 triệu đồng (trong đó kinh phí thực hiện dự án không bao gồm GPMB là 123.261,596 triệu đồng; GPMB 8.043,363 triệu đồng; diện tích sử dụng đất 51.385,4 m <sup>2</sup>	Đầu thầu rộng rãi quốc tế	3	3	1						Đang thực hiện lập HSYC

(1): Ghi các thông tin sau của dự án theo Danh mục dự án được duyệt: Tổng chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng), chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, diện tích đất để thực hiện dự án.

(2): Ghi hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Đầu thầu rộng rãi trong nước, đầu thầu rộng rãi quốc tế, chỉ định nhà đầu tư (ghi rõ căn cứ chỉ định theo điểm a, điểm b hay điểm c khoản 3 điều 9 Nghị định số 30/2015/NĐ-CP), lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt (ghi rõ lý do áp dụng và văn bản chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ)

(3): Ghi các thông tin sau theo Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư (nếu có): Tên nhà đầu tư được lựa chọn; giá dịch vụ, phần vốn góp của nhà nước hoặc giá trị phần nộp ngân sách nhà nước

(4): Thời gian lựa chọn nhà đầu tư được tính từ khi phát hành hồ sơ mời sơ tuyển đến khi có Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư